TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ----------@---------- **Bản án số**: 11/2018/ HNGĐ - ST Ngày 17/05/ 2018 (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **********

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Công Hiến**
  Ông **Trần Xuân Thái**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** – cán bộ Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 17 tháng 05 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N.

Vắng mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, Quận M, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Th** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tiến H1** – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V.

Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05 tháng 12 năm 2017, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: giữa chị Đỗ Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Duy T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2002, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện Gia V. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh T ở xã G, huyện V. Chị H và anh T chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con; chị H và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho tới nay. Chị H thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

Về con chung; chị Đỗ Thị H trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Nguyễn Tài T1, sinh ngày 14/10/2004; cháu nhỏ là Nguyễn Hà V, sinh ngày 07/10/2007. Hiện tại anh T là người trực tiếp nuôi, chăm sóc cháu Nguyễn Tài T1, còn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hà V. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị H đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hà V; còn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tài T1, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị Đỗ Thị H khai tài sản chung của vợ chồng gồm: Nhà hai tầng làm trên đất của ông Nguyễn Thiện X và bà Nguyễn Thị K cho (bố, mẹ anh T). Tại thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N và 01 chiếc ti vi, 01 tủ gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế, 01 chiếc xe máy. Chị Đỗ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/3/2018 chị Đỗ Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Chị Đỗ Thị H trình bày vợ chồng còn nợ phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (Ngân hàng) tiền gốc 50.000.000 đồng theo sổ vay vốn lập ngày 16/7/2014. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết anh T và chị H đều có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Theo văn bản ngày 02/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Toà sơ thẩm, ông Nguyễn Tiến H1 - Giám đốc phòng giao dịch Ngân

hàng chính sách xã hội huyện V trình bày: Ngày 16/7/2014 chị H anh T là Hộ cận nghèo và Ngân hàng đã ký kết trong sổ vay vốn mã KH: 140341; theo đó, phía Ngân hàng cho vợ chồng chị H anh T vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16/10/2018, để thực hiện phương án chăn nuôi, tiền lãi đã trả hết tháng 05/2018. Nếu chị H và anh T ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H anh T mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Duy T (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Duy T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 22/12/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn anh T thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con, khi được chị H và gia đình khuyên bảo nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 đến nay, cũng từ đó hai người không hề quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Nguyễn Duy T cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H.

[3] Về quan hệ con chung:

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Duy T có hai con chung, cháu lớn là Nguyễn Tài T1, sinh ngày 14/10/2004; cháu nhỏ là Nguyễn Hà V, sinh ngày 07/10/2007. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu

Nguyễn Hà V; còn cháu Nguyễn Tài T1 để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có hai con chung cả hai cháu đều trên bẩy tuổi, trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Nguyễn Hà V do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, còn cháu Nguyễn Tài T1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đều đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặc dù chị H là Giáo viên của trường Mầm non xã G, công tác ổn định. Anh T là lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Hà V cho chị Đỗ Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Nguyễn Tài T1 cho anh Nguyễn Duy T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với nguyện vọng của các cháu và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về quan hệ tài sản:

Việc chị Đỗ Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin chia tài sản chung của chị H và anh T. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[5] Về công nợ chung:

Xét yêu cầu của phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V về việc buộc chị H anh T mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, khoản nợ trên cũng được chị H xác nhận là đúng, hơn nữa trong sổ vay vốn mã KH: 140341, do chị H và Ngân Hàng cung cấp đều có chữ ký xác nhận của anh T. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền vay Ngân hàng của anh T chị H là công nợ chung của vợ chồng. Do đó, cần buộc chị H anh T mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền là 25.000.000 đồng, và tuân thủ đầy đủ những cam kết theo sổ vay vốn mã KH: 140341.

[6] **Về án phí**: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy T phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Duy T được ly hôn;

2. Về con chung.

Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 07/10/2007, cho tới khi cháu Nguyễn Hà V đủ 18 tuổi;

Giao cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tài T1, sinh ngày 14/10/2004, cho tới khi cháu Nguyễn Tài T1 đủ 18 tuổi;

Anh T và chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Duy T. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về công nợ chung: Buộc chị Đỗ Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền là 25.000.000 đồng;

Buộc anh Nguyễn Duy T phải có trách nhiệm trả nợ cho phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền là 25.000.000 đồng. Anh T và chị H đều phải tuân thủ đầy đủ những cam kết theo sổ vay vốn mã KH: 140341.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ 1.550.000 đồng. Trả lại chị Đỗ Thị H 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2010/04118 ngày 05/12/2017.

Anh Nguyễn Duy T phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐONG XET XU SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hà Thiện Thành

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện V;
- VKSND huyện V;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
- UBND xã G.